

### Tuần 3: Các truy vấn đơn giản

- Cú pháp chung của một số truy vấn đơn giản

**SELECT** [ALL, DISTINCT, TOP <n>] \*

**FROM** table\_name **AS** t

**WHERE** expression

**SELECT** column\_name1, column\_name2, column\_name3

**FROM** table\_name

**ORDER BY** column\_name1 **ASC**, column\_name2 **DESC**

**SELECT** t1.column\_name1, t1.column\_name2, t1.column\_name3, t1.column\_name4

**FROM** table\_name1 as t1

**WHERE** t1.column\_name1 = expression1 **and** t1.column\_name2 = expression2

- Các toán tử

> Lớn hơn, < nhỏ hơn, = bằng, != khác, <> khác,

>= lớn hơn hay bằng, <= nhỏ hơn hay bằng

**AND** và, **OR** hoặc, **NOT** phủ định

**BETWEEN...AND** trong khoảng, **NOT BETWEEN... AND** không trong khoảng

**IS NULL, IS NOT NULL** kiểm tra giá trị có NULL hay không

**IN, NOT IN** giá trị có (không) trong một tập hợp nào đó

**LIKE** tìm kiếm tương đối trong chuỗi với các ký tự đại diện: %, \_, []

- Sử dụng các hàm cơ bản trong truy vấn

+ Các hàm ngày: **DATEDIFF**(interval, date1, date2); **DATEPART**(interval, date),  
**YEAR**(date), **MONTH**(date), **DAY**(date); **GETDATE**();

+ Các hàm chuỗi: **LEN**(string); **REVERSE**(string); **REPLACE**(string, old\_string,  
new\_string); **CHARINDEX**(substring, string, start);

**CONCAT**(string1, string2, ..., string\_n);

**LEFT**(string, number\_of\_chars); **RIGHT**(string, number\_of\_chars)

+ Các hàm số học: **MAX**, **MIN**, **COUNT**, **AVG**, **SIN**, **COS**, **TAN**,...

+ Các hàm khác: **CAST**(expression AS datatype(length)), **ISNULL**, **ISNUMERIC**

- Phép kết, join

**SELECT** t1.column\_name1, t1.column\_name2, t2.column\_name1, t2.column\_name2

**FROM** table\_name1 **AS** t1, table\_name2 **AS** t2

**WHERE** t1.column\_name1 = t2.column\_name1

**Join: INNER JOIN, OUTER JOIN, LEFT JOIN, RIGHT JOIN**

**SELECT** t1.column\_name1, t1.column\_name2, t2.column\_name1, t2.column\_name2

**FROM** table\_name1 **AS** t1 **INNER JOIN** table\_name2 **AS** t2 **ON** t1.column\_name1 =  
t2.column\_name1